

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 99/2024/NQ-HĐND

Kon Tum, ngày 09 tháng 12 năm 2024

## **NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung một số phụ lục quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM KHÓA XII KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Xét Tờ trình số 212/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Sửa đổi, bổ sung một số phụ lục quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm*

2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 426/BC-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số phụ lục quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)**

1. Phụ lục II: Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp.
2. Phụ lục IV: Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông;
3. Phụ lục VI: Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ.
4. Phụ lục VIII: Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Lĩnh vực kinh tế.
5. Phụ lục XI: Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Lĩnh vực Nội vụ.

*(Chi tiết tại các Phụ lục ban hành kèm theo)*

**Điều 2. Bãi bỏ toàn bộ danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Tư pháp ban hành tại Phụ lục IX kèm theo Nghị quyết số 79/2021/NQ-HĐND**

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2024./.

**CHỦ TỊCH**

**Dương Văn Trang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC II**  
**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH**  
**NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**  
(Kèm theo Nghị quyết số 99/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

| <b>STT</b> | <b>Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước</b> |
|------------|---|
| 1          | Dịch vụ đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng.                     |
| 2          | Dịch vụ đào tạo nghề trình độ cao đẳng nghề, trung cấp.           |
| 3          | Dịch vụ đào tạo sơ cấp nghề, đào tạo nghề dưới 03 tháng.          |
| 4          | Dịch vụ đào tạo nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.           |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****PHỤ LỤC IV****DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 99/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

| <b>STT</b> | <b>Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước</b>   |
|------------|---|
| <b>I</b>   | <b>Dịch vụ báo chí, xuất bản và thông tin cơ sở</b>   |
| 1          | Dịch vụ báo chí   |
|            | Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, thông tin đối ngoại; phục vụ thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thính, khiếm thị, đồng bào vùng dân tộc thiểu số, vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới và các nhiệm vụ trọng yếu khác phù hợp với từng giai đoạn theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên hệ thống truyền thông của cơ quan báo chí. |
|            | Truyền thông chính sách phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu.  |
| 2          | Dịch vụ xuất bản  |
|            | Thông tin tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, thông tin đối ngoại trên xuất bản phẩm  |
| 3          | Dịch vụ thông tin cơ sở   |
|            | Thông tin tuyên truyền các thông tin thiết yếu của thông tin cơ sở từ các sản phẩm truyền thông cấp huyện, cấp xã   |
| 4          | Tạo lập thông tin, cung cấp thông tin trên cổng thông tin điện tử tỉnh  |
| <b>II</b>  | <b>Công nghệ thông tin</b>  |
| 1          | Điều phối hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của các cơ quan Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum   |
| 2          | Thu thập, phân tích và cảnh báo nguy cơ, sự cố tấn công mạng cho các cơ quan Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum   |
| 3          | Diễn tập phòng chống tấn công mạng đảm bảo an toàn thông tin cho các lĩnh vực quan trọng của Đảng, nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum   |
| 4          | Giám sát an toàn thông tin cho các lĩnh vực quan trọng và hệ thống thông tin phục vụ Chính phủ điện tử trên địa bàn tỉnh Kon Tum  |
| 5          | Rà quét, xử lý mã độc cho các cơ quan Đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum  |
| 6          | Kiểm tra, đánh giá, phát hiện lỗ hổng bảo mật, điểm yếu an toàn thông tin cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum.   |

| <b>STT</b> | <b>Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước</b>  |
|------------|--|
| 7          | Giám sát an toàn không gian mạng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.  |
| 8          | Vận hành hạ tầng công thông tin điện tử, trang thông tin điện tử theo nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao                  |
| 9          | Quản lý, vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu   |
| 10         | Quản lý, vận hành Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC)   |
| 11         | Quản lý, vận hành Trục kết nối, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP)  |
| 12         | Quản lý, vận hành Kho cơ sở dữ liệu dùng chung ; Cổng dữ liệu mở của tỉnh  |
| 13         | Quản lý, vận hành hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở tỉnh  |
| 14         | Quản lý, vận hành Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh  |
| 15         | Quản lý, vận hành hệ thống tên miền tỉnh kontum.gov.vn”, địa chỉ IPv4, IPv6 của tỉnh...  |
| 16         | Quản lý, vận hành hệ thống máy chủ (server security) phục vụ công tác liên thông văn bản với Trục liên thông văn bản quốc gia. |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  
**TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC VI**

**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 99/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

| <b>STT</b> | <b>Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước</b>  |
|------------|--|
| <b>A</b>   | <b>Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của tỉnh Kon Tum</b>   |
| <b>I.</b>  | <b>Hoạt động khoa học và công nghệ</b>   |
| -          | Ứng dụng khoa học và kỹ thuật phục vụ công tác lưu giữ, phát triển một số giống cây trồng, dược liệu đặc thù, có giá trị trên địa bàn tỉnh.  |
| -          | Chứng nhận VietGap trong lĩnh vực trồng trọt.  |
| -          | Kiểm tra AND và phân tích hàm lượng saponin tổng hợp Sâm Ngọc Linh.  |
| -          | Tổ chức hoạt động hướng dẫn, chuyên gia các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới công nghệ  |
| -          | Lựa chọn các tiến bộ kỹ thuật và tổ chức khảo nghiệm để hoàn thiện quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện của địa phương đối với sản phẩm mới  |
| -          | Tổ chức hội nghị, hội thảo, triển lãm giới thiệu, quảng bá công nghệ, sản phẩm khoa học và công nghệ   |
| -          | Xây dựng mô hình trình diễn về ứng dụng công nghệ mới, các kỹ thuật tiến bộ và phổ biến nhân rộng phù hợp với địa phương   |
| <b>II</b>  | <b>Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Năng lượng điện tử</b>   |
| -          | Duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn, thiết bị, năng lực đo lường thử nghiệm, năng lực nguyên tử phục vụ công tác quản lý nhà nước về đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và an toàn bức xạ - hạt nhân. |
| -          | Tư vấn, đào tạo, hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp về hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế   |
| -          | Tư vấn, chứng nhận sản phẩm, hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước  |
| <b>B</b>   | <b>Áp dụng Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ (theo quy định tại Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN)</b>                            |
| <b>I.</b>  | <b>Hoạt động khoa học và công nghệ.</b>  |

| <b>STT</b> | <b>Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước</b>   |
|------------|---|
| 1          | Truyền thông, khai thác, ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phát triển công nghệ (1)  |
| 2          | Công bố kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ; phát hành ấn phẩm khoa học, kỹ thuật và công nghệ; Thông tin, phổ biến kiến thức về khoa học và công nghệ (2) |
| <b>II</b>  | <b>Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng</b>  |
| -          | Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường  |
| -          | Kiểm định phương tiện đo.   |
| -          | Hiệu chuẩn phương tiện đo.  |
| -          | Thử nghiệm phương tiện đo.  |

(1) Tên danh mục theo Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

(2) Danh mục chi tiết theo quy định tại Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC VIII**  
**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH**  
**NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC KINH TẾ**  
(Kèm theo Nghị quyết số 99/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

| <b>STT</b> | <b>Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước</b>   |
|------------|---|
| <b>I</b>   | <b>Hoạt động kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn.</b>   |
| <b>1</b>   | <b>Dịch vụ lĩnh vực trồng trọt</b>  |
|            | Điều tra, thống kê lĩnh vực trồng trọt  |
| <b>2</b>   | <b>Dịch vụ lĩnh vực bảo vệ thực vật</b>   |
|            | Điều tra phát hiện và dự tính dự báo sinh vật gây hại cây trồng thuộc lĩnh vực bảo vệ thực vật  |
| <b>3</b>   | <b>Hoạt động thuộc lĩnh vực lâm nghiệp</b>  |
|            | Cứu hộ, nuôi dưỡng động vật hoang dã  |
|            | Bảo vệ và Phát triển rừng (bao gồm các hoạt động liên quan đến lĩnh vực Lâm nghiệp như tuần tra bảo vệ rừng; nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng rừng bổ sung; trồng rừng; điều tra rừng; kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng; lập hồ sơ phân định ranh giới rừng và cắm mốc, bảng phân định ranh giới rừng,...) |
| <b>4</b>   | <b>Hoạt động sự nghiệp khác</b>   |
|            | Hoạt động khuyến nông: Thông tin truyền truyền; bồi dưỡng, tập huấn; đào tạo, xây dựng và nhân rộng mô hình trình diễn và dự án.  |
| <b>5</b>   | <b>Hoạt động dịch vụ khác</b>   |
|            | Nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất thử nghiệm, khảo nghiệm, kiểm nghiệm và khu vực hóa các giống mới, phục tráng, gia hóa đối với thủy sản những giống có đặc tính tốt, nghiên cứu quy trình sản xuất, bảo quản giống.  |
|            | Cung cấp các loại giống cây trồng, vật nuôi chủ lực thực hiện các Chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh   |
|            | Quản lý, khai thác công trình thủy lợi lớn, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.   |
|            | Quản lý, khai thác công trình thủy lợi vừa và công trình thủy lợi nhỏ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Kon Tum.   |
|            | Hoạt động quản lý, khai thác và vận hành các công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Kon Tum   |

| <b>STT</b> | <b>Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước</b>   |
|------------|---|
| <b>II</b>  | <b>Hoạt động kinh tế giao thông vận tải</b>   |
|            | Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ  |
| -          | Kiểm tra công trình đường bộ  |
| -          | Quan trắc công trình đường bộ   |
| -          | Kiểm định chất lượng công trình đường bộ  |
| -          | Bảo dưỡng công trình đường bộ   |
| -          | Sửa chữa công trình đường bộ  |
| +          | Sửa chữa định kỳ  |
| +          | Sửa chữa đột xuất   |
| <b>III</b> | <b>Hoạt động kinh tế tài nguyên môi trường</b>  |
| <b>1</b>   | <b>Dịch vụ lĩnh vực quản lý đất đai</b>   |
| -          | Lập phương án sử dụng đất đối với khu đất được UBND tỉnh thu hồi bàn giao về địa phương quản lý.  |
| -          | Thống kê, kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.   |
| -          | Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm, kế hoạch đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, huyện.   |
| -          | Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.  |
| -          | Đo đạc, cắm mốc, chỉnh lý bản đồ địa chính khu đất, lập thủ tục đất đai phục vụ công tác bồi thường, quản lý đất đai ở địa phương.  |
| -          | Lập, điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất; định giá đất cụ thể.   |
| -          | Điều tra, đánh giá đất đai.   |
| -          | Quản lý quỹ đất công tại Trung tâm phát triển quỹ đất.  |
| -          | Lập, điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất 5 năm cấp tỉnh; Lập QHSD đất cấp huyện; Lập KHSD đất hàng năm cấp huyện.   |
| -          | Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Kon Tum. |
| <b>2</b>   | <b>Dịch vụ lĩnh vực đo đạc và bản đồ và viễn thám</b>   |
| -          | Đo đạc, thành lập, cập nhật bản đồ và hồ sơ địa giới hành chính phục vụ việc phân định, chia tách, sáp nhập, điều chỉnh địa giới hành chính.  |
| -          | Lập bản đồ hành chính cấp tỉnh và cấp huyện.  |
| -          | Xây dựng, cập nhật, công bố siêu dữ liệu viễn thám để đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng thuộc phạm vi quản lý của địa phương.  |
| -          | Lập dự án di dời công trình hạ tầng thu nhận dữ liệu ảnh viễn thám.   |

| STT      | <b>Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước</b>   |
|----------|---|
| -        | Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, cập nhật bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2000 và 1:5000 đối với phần đất liền, cửa sông thuộc phạm vi địa phương quản lý.  |
| <b>3</b> | <b>Dịch vụ lĩnh vực địa chất và khoáng sản</b>  |
| -        | Khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ, lẻ; khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.   |
| -        | Điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản.   |
| -        | Điều tra đánh giá tài nguyên khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của tỉnh.   |
| -        | Bảo tàng địa chất khoáng sản.   |
| -        | Khoanh định khu vực cấm, hoặc tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Kon Tum.  |
| -        | Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản.  |
| -        | Rà soát, khoanh định và điều chỉnh, cập nhật khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.  |
| <b>4</b> | <b>Dịch vụ lĩnh vực tài nguyên nước</b>   |
| -        | Quy hoạch tài nguyên nước chung của cả nước và theo lưu vực sông và nguồn nước liên tỉnh.   |
| -        | Điều tra, đánh giá tài nguyên nước, điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả thải vào nguồn nước đối với các nguồn nước liên quốc gia, nguồn nước liên tỉnh; lập quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông liên tỉnh. |
| -        | Điều tra xác định khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.   |
| -        | Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước tỉnh Kon Tum.  |
| -        | Điều tra, đánh giá tổng hợp tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:50.000 đến 1:25.000 đối với nguồn nước nội tỉnh.   |
| -        | Đánh giá, xác định, cập nhật định kỳ các đặc trưng cơ bản, lập bản đồ đặc trưng tài nguyên nước mặt.  |
| -        | Điều tra, đánh giá, tính toán, xác định và công bố dòng chảy tối thiểu ở các sông, suối nội tỉnh theo quy định.   |
| -        | Lập danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.  |
| -        | Cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông suối kênh rạch, hồ tự nhiên, hồ nhân tạo ở các đô thị, khu dân cư tập trung và các nguồn nước khác trên địa bàn tỉnh.  |
| -        | Đánh giá và phân vùng chất lượng nước, phục vụ xả nước thải các hoạt động đô thị, công nghiệp và nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.   |

| <b>STT</b> | <b>Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước</b>   |
|------------|---|
| -          | Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ và lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải của nguồn nước trên địa bàn tỉnh. |
| -          | Xây dựng mực nước tương ứng cấp báo động lũ trên các sông, suối chính trên địa bàn tỉnh Kon Tum.  |
| <b>5</b>   | <b>Dịch vụ lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu</b>  |
| -          | Điều tra, khảo sát, quan trắc, giám sát tác động và dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn.   |
| -          | Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá thích ứng với biến đổi khí hậu cấp tỉnh.   |
| -          | Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp tỉnh.   |
| -          | Xây dựng báo cáo tác động môi trường tính dễ bị tổn thương, rủi ro tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu cấp tỉnh.  |
| -          | Cập nhật danh mục cơ sở phát sinh khó khăn khí nhà kính cấp tỉnh.   |
| <b>6</b>   | <b>Dịch vụ Môi trường</b>   |
| -          | Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học   |
| -          | Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh công cộng  |
| -          | Phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt, bao gói thuốc bảo vệ thực vật, y tế công lập, trường học, các cơ sở giam giữ của Nhà nước.               |
| -          | Dịch vụ hoạt động quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn tỉnh Kon Tum.  |
| -          | Thống kê môi trường cấp tỉnh.   |
| -          | Báo cáo hiện trạng môi trường hằng năm cấp tỉnh; Báo cáo hiện trạng môi trường 05 năm cấp tỉnh.   |
| -          | Báo cáo chuyên đề về môi trường cấp tỉnh.   |
| -          | Xây dựng danh mục bảo tồn cấu trúc loài sinh vật quý hiếm.  |
| -          | Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; xác lập, thẩm định và công nhận di sản thiên nhiên thuộc nhiệm vụ địa phương.        |
| -          | Điều tra, thống kê, giám sát, đánh giá, lập danh mục chất làm suy giảm tầng Ozon, chất gây hiệu ứng nhà kính thuộc nhiệm vụ tại địa phương.                         |
| <b>7</b>   | <b>Dịch vụ Thông tin, truyền thông về tài nguyên và môi trường</b>  |
| -          | Thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.  |
| <b>IV</b>  | <b>Hoạt động kinh tế công thương</b>  |
| <b>1</b>   | <b>Dịch vụ lĩnh vực về khuyến công</b>  |

| <b>STT</b> | <b>Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước</b>   |
|------------|---|
| -          | Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới.  |
| -          | Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. |
| -          | Hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước.  |
| -          | Hỗ trợ tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh.   |
| -          | Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp.  |
| <b>2</b>   | <b>Lĩnh vực xúc tiến thương mại</b>   |
| -          | Tổ chức hội chợ, triển lãm  |
| -          | Tham gia hội chợ, triển lãm   |
| -          | Tổ chức phiên chợ   |
| -          | Tổ chức Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn   |
| -          | Tuyên truyền, quảng bá  |
| -          | Hỗ trợ “Điểm bán hàng Việt cố định”, “Điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP”   |
| -          | Tổ chức, tham gia hội nghị kết nối giao thương  |
| -          | Hỗ trợ xây dựng thương hiệu sản phẩm của tỉnh   |
| -          | Tổ chức đoàn giao dịch thương mại trong và ngoài nước.  |
| <b>V</b>   | <b>Hoạt động kinh tế xây dựng</b>   |
| 1          | Dịch vụ xây dựng cơ sở dữ liệu, đo đạc, thành lập bản đồ chuyên ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum                                      |
| 2          | Dịch vụ quản lý công viên, trồng và quản lý chăm sóc cây xanh, hoa cảnh vỉa hè, đường phố, dải phân cách, vòng xoay.                          |
| 3          | Dịch vụ chiếu sáng đô thị.  |

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  
**TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC XI**  
**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH**  
**NHÀ NƯỚC THUỘC NGÀNH, LĨNH VỰC NỘI VỤ**  
(Kèm theo Nghị quyết số 99/2024/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)

| <b>STT</b> | <b>Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước</b>  |
|------------|--|
| <b>I</b>   | <b>Lĩnh vực Văn thư - Lưu trữ</b>  |
| 1          | Dịch vụ thu thập tài liệu lưu trữ Phong lưu trữ Nhà nước Việt Nam của Lưu trữ lịch sử                              |
| 2          | Dịch vụ bảo quản tài liệu lưu trữ Phong lưu trữ Nhà nước Việt Nam của Lưu trữ lịch sử                              |
| 3          | Dịch vụ sử dụng tài liệu lưu trữ Phong lưu trữ Nhà nước Việt Nam của Lưu trữ lịch sử phục vụ nhu cầu xã hội        |
| 4          | Dịch vụ sử dụng tài liệu lưu trữ Phong lưu trữ Nhà nước Việt Nam của Lưu trữ lịch sử phục vụ nhiệm vụ chính trị    |
| <b>II</b>  | <b>Dịch vụ đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức</b>  |
| <b>1</b>   | <b>Bồi dưỡng lý luận chính trị.</b>  |
| -          | Bồi dưỡng lý luận chính trị theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý                                   |
| -          | Bồi dưỡng lý luận chính trị theo tiêu chuẩn ngạch, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức, viên chức               |
| <b>2</b>   | <b>Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh.</b>  |
| -          | Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý                     |
| -          | Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo tiêu chuẩn ngạch, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức, viên chức |
| <b>3</b>   | <b>Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức.</b>                              |
| -          | Bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương   |
| -          | Bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương   |
| -          | Bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương   |
| <b>4</b>   | <b>Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý.</b>                                |
| -          | Bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp Sở và tương đương  |

| <b>STT</b> | <b>Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước</b>  |
|------------|--|
| -          | Bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp huyện và tương đương   |
| -          | Bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương   |
| -          | Bồi dưỡng cập nhật kiến thức đối tượng 3   |
| -          | Bồi dưỡng cập nhật kiến thức đối tượng 4   |
| -          | Bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho cán bộ quy hoạch Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh   |
| -          | Bồi dưỡng chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã   |
| -          | Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ cấp xã                      |
| -          | Bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội Nông dân cấp xã                              |
| -          | Bồi dưỡng cấp ủy cơ sở   |
| -          | Bồi dưỡng nghiệp vụ cho Bí thư, Phó Bí thư xã  |
| -          | Bồi dưỡng các chức danh công chức cấp xã   |
| -          | Bồi dưỡng Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã   |
| -          | Bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở                               |
| -          | Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Nội chính   |
| -          | Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Tuyên giáo  |
| -          | Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác kiểm tra giám sát của Đảng  |
| -          | Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Dân vận   |
| -          | Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Văn phòng cấp ủy  |
| -          | Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Văn thư, lưu trữ  |
| -          | Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Tổ chức xây dựng Đảng   |
| -          | Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội Cựu chiến binh  |
| -          | Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Hội Nông dân  |
| -          | Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác hội Phụ nữ  |
| -          | Bồi dưỡng Cán bộ Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh  |
| -          | Bồi dưỡng Các lớp khác được cấp thẩm quyền giao đột xuất (mang tính chất tương đồng trong nhóm)                              |
| <b>5</b>   | <b>Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm theo tiêu chuẩn chức vụ, chức danh cán bộ công chức cấp xã.</b> |
| <b>6</b>   | <b>Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ.</b>                                      |

| <b>STT</b> | <b>Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước</b>              |
|------------|--|
| 7          | <b>Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.</b> |